

Số: 464/QĐ-HĐTS

Bình Phước, ngày 22 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển
trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 57/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 26/7/2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-CĐBP ngày 20 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng và cao đẳng liên thông;

Căn cứ Quyết định số 82 /QĐ-CĐBP ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Trường Cao đẳng Bình Phước năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 15/KH-CĐBP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước về việc thực hiện công tác tuyển sinh năm 2022;

Căn cứ các Quyết định số 353/QĐ-HĐTS ngày 26/8/2022, 376/QĐ-HĐTS ngày 13/9/2022, 392/QĐ-HĐTS ngày 05/10/2022, 438/QĐ-HĐTS ngày 18/11/2022, 453/QĐ-HĐTS ngày 12/12/2022, 458/QĐ-HĐTS ngày 19/12/2022, 463/QĐ-HĐTS ngày 22/12/2022 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2022;

Xét đề nghị của Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 555 thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng, trung cấp hệ chính quy năm 2022, bao gồm:

Hệ Trung cấp: 333

1. Ngành Điện công nghiệp: 60 thí sinh
2. Ngành Điện tử công nghiệp: 28 thí sinh
3. Ngành Công nghệ thông tin: 77 thí sinh
4. Ngành Kế toán doanh nghiệp: 46 thí sinh
5. Ngành Công nghệ ô tô: 70 thí sinh



6. Ngành Cắt gọt kim loại: 30 thí sinh

7. Ngành Y sĩ đa khoa: 22 thí sinh

Hệ Cao đẳng: 222

1. Ngành Điện công nghiệp: 17 thí sinh

2. Ngành Công nghệ thông tin: 09 thí sinh

3. Ngành Kế toán doanh nghiệp: 17 thí sinh

4. Ngành Điều dưỡng: 07 thí sinh

5. Ngành Giáo dục mầm non: 40 thí sinh

6. Ngành Dược: 132 thí sinh

Trong đó:


- Cao đẳng Dược chính quy: 40

- Cao đẳng Dược liên thông văn bằng 2: 47

- Cao đẳng Dược liên thông từ trung cấp Dược: 45

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; các Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy năm 2022 trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Hội đồng tuyển sinh năm 2022, trưởng các đơn vị có liên quan của Trường Cao đẳng Bình Phước và thí sinh có tên trong danh sách tại **Điều 1** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở LĐTĐBXH;
- Sở GD&ĐT
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Thông báo bằng tin;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐTNCKHHTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



Hà Văn Kiên





Danh sách thí sinh trúng tuyển

trình độ trung cấp, cao đẳng hệ chính quy năm 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 216/QĐ-HĐTS ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Cao đẳng Bình Phước)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới Tính	Điểm trung bình 12	Ghi chú
I. HỆ TRUNG CẤP						
1. Ngành Điện công nghiệp						
1	Vòng Trường	An	08/12/1999	Hoa	Nam	
2	Nguyễn Tuấn	Anh	04/05/2007	Kinh	Nam	
3	Thân Tuấn	Anh	10/11/2007	Kinh	Nam	
4	Trần Ngọc	Anh	08/02/2007	Kinh	Nam	
5	Trần Tuấn	Anh	09/12/2007	Kinh	Nam	
6	Đoàn Thế	Anh	20/11/2007	Kinh	Nam	
7	Tăng Quang	Bằng	17/07/2007	Khome	Nam	
8	Đoàn Gia	Bảo	20/07/2007	Kinh	Nam	
9	Ngô Quốc	Bảo	31/12/2007	Kinh	Nam	
10	Vô Thanh	Bình	11/03/2006	Kinh	Nam	
11	Trương Tuấn	Bình	31/12/2006	Kinh	Nam	
12	Trương Ngọc	Chung	23/07/2007	Kinh	Nam	
13	Phạm Thanh	Chương	11/05/2007	Kinh	Nam	
14	Nguyễn Minh	Cường	02/10/2006	Kinh	Nam	
15	Lê Tấn	Đạt	21/11/2006	Kinh	Nam	
16	Đỗ Tiến	Đạt	22/01/2002	Kinh	Nam	
17	Trần Văn Phúc	Đạt	12/03/2007	Kinh	Nam	
18	Tô Hoàng Quốc	Đạt	19/01/2007	Kinh	Nam	
19	Hà Văn	Đức	17/02/2005	Kinh	Nam	
20	Nguyễn Hùng	Dương	21/01/2007	Kinh	Nam	
21	Nguyễn Hoàng	Duy	13/08/2007	Kinh	Nam	
22	Nguyễn Vũ	Duy	11/07/2006	Kinh	Nam	
23	Trần Bảo	Duy	15/08/2007	Kinh	Nam	
24	Nguyễn Hoàng	Gia	14/09/2006	Kinh	Nam	
25	Lê Xuân	Hào	08/11/2007	Kinh	Nam	
26	Trần Hoàng Anh	Hào	25/06/2007	Kinh	Nam	
27	Huỳnh Minh	Hiền	06/12/2007	Kinh	Nam	
28	Nguyễn Đức	Hòa	11/04/2007	Kinh	Nam	
29	Trần Công	Hoàng	18/03/2006	Kinh	Nam	
30	Nguyễn Việt	Hoàng	23/02/2007	Kinh	Nam	



STT	Họ và tên		Ngày sinh	Dân tộc	Giới Tính	Điểm trung bình 12	Ghi chú
31	Lê Bá	Hùng	23/09/2007	Kinh	Nam		
32	Nguyễn Mạnh	Hùng	01/02/2007	Kinh	Nam		
33	Phạm Quốc	Huy	26/09/2007	Kinh	Nam		
34	Mai Nguyễn Nguyên	Khang	13/05/2007	Kinh	Nam		
35	Trần Quốc	Khánh	15/01/2007	Kinh	Nam		
36	Nguyễn Anh	Khoa	04/03/2007	Kinh	Nam		
37	Lê Trung	Kiên	30/01/2007	Kinh	Nam		
38	Bùi Anh	Kiệt	18/09/2006	Mường	Nam		
39	Nguyễn Văn	Lộc	29/11/2007	Kinh	Nam		
40	Hoàng Văn	Long	24/04/2006	Kinh	Nam		
41	Ông Duy	Lượng	06/03/2007	Hoa	Nam		
42	Bùi Hữu	Nghĩa	27/10/2006	Kinh	Nam		
43	Trương Thế	Ngọc	19/12/2007	Kinh	Nam		
44	Nguyễn Hoàng	Nhã	14/07/2004	Kinh	Nam		
45	Huỳnh Thiện	Nhân	20/04/2007	Kinh	Nam		
46	Vũ Hoàng	Phong	30/11/2007	Kinh	Nam		
47	Vũ Hoàng	Phúc	29/10/2004	Kinh	Nam		
48	Nguyễn Duy	Quang	10/04/2007	Kinh	Nam		
49	Nguyễn Tiến	Sâm	05/11/2006	Kinh	Nam		
50	Võ Duy	Son	04/12/2006	Kinh	Nam		
51	Nịnh Văn	Tâm	30/12/2007	Cao Lan	Nam		
52	Phạm Khiếu	Thành	21/12/2007	Kinh	Nam		
53	Đỗ Ngọc	Thiện	29/11/2007	Kinh	Nam		
54	Phạm Ngọc	Thực	02/12/2007	Kinh	Nam		
55	Điều Minh	Trí	10/04/2001	Stiêng	Nam		
56	Lê Văn	Trường	05/09/2007	Kinh	Nam		
57	Đào Ngọc	Tú	04/03/2001	Kinh	Nam		
58	Lý Quốc	Tuấn	26/06/2007	Kinh	Nam		
59	Nguyễn Lê	Tuấn	04/01/2004	Kinh	Nam		
60	Phan Văn	Vương	31/10/2006	Kinh	Nam		
Tổng cộng			60				
2. Ngành Điện tử công nghiệp							
1	Hồ Thanh	An	11/12/2007	Kinh	Nam		
2	Lê Đức	Anh	18/01/2007	Kinh	Nam		
3	Võ Hoài	Anh	20/12/2007	Kinh	Nam		
4	Trần Thế	Bảo	24/10/2006	Kinh	Nam		
5	Phan Duy	Hoàng	03/11/2005	Kinh	Nam		
6	Nguyễn Minh	Hoàng	07/09/2007	Kinh	Nam		
7	Nguyễn Thành	Huy	01/05/2006	Kinh	Nam		
8	Trần Gia	Huy	14/02/2007	Kinh	Nam		
9	Nguyễn Quốc	Huy	25/05/2006	Kinh	Nam		
10	Lê Quang	Huy	28/02/2002	Kinh	Nam		

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Dân tộc	Giới Tính	Điểm trung bình 12	Ghi chú
11	Trần	Phú	16/06/2007	Kinh	Nam		
12	Nguyễn Thành Vạn	Phúc	01/06/2006	Kinh	Nam		
13	Nguyễn Thiên	Phúc	21/10/2007	Kinh	Nam		
14	Nguyễn Nguyên	Phúc	20/04/2006	Kinh	Nam		
15	Nguyễn Huy	Phước	01/06/2007	Kinh	Nam		
16	Nguyễn Bằng	Quốc	15/01/2007	Kinh	Nam		
17	Từ Hoàng	Son	01/08/2007	Kinh	Nam		
18	Phạm Tuấn	Tài	18/05/2007	Kinh	Nam		
19	Đông Xuân	Thắng	11/05/2006	Kinh	Nam		
20	Ngô Văn	Thương	19/09/2006	Kinh	Nam		
21	Điền	Trí	24/03/2007	Stiêng	Nam		
22	Tô Nguyễn Ngọc	Tú	24/03/2007	Kinh	Nam		
23	Nguyễn Tấn	Tú	05/08/2007	Kinh	Nam		
24	Trần Văn	Tuấn	09/01/2006	Kinh	Nam		
25	Phùng Anh	Tuấn	09/08/1997	Mường	Nam		
26	Điền Thanh	Tuyên	01/12/2007	Stiêng	Nam		
27	Nguyễn Văn	Tuyên	22/06/2007	Kinh	Nam		
28	Nguyễn Anh	Vũ	08/04/2005	Kinh	Nam		
Tổng cộng			28				
3. Ngành Công nghệ thông tin							
1	Lâm Bình	An	10/01/2007	Kinh	Nam		
2	Hoàng Kỳ	Anh	23/06/2007	Kinh	Nam		
3	Nguyễn Hoàng	Anh	22/01/2007	Kinh	Nam		
4	Nguyễn Nữ Phương	Anh	04/01/2007	Kinh	Nữ		
5	Lý Quốc	Bảo	05/05/2007	Kinh	Nam		
6	Điền Lý	Cảm	14/10/2007	STiêng	Nam		
7	Nguyễn Thành	Đạt	18/10/2007	Kinh	Nam		
8	Đặng Văn	Đức	02/11/2007	Kinh	Nam		
9	Nguyễn Nhật	Duy	01/03/2007	Kinh	Nam		
10	Trần Bảo	Duy	15/08/2007	Kinh	Nam		
11	Nguyễn Khánh	Duy	21/04/2007	Kinh	Nam		
12	Bùi Đỗ Thu	Hà	07/03/2006	Kinh	Nữ		
13	Vũ Thanh	Hải	10/04/2007	Kinh	Nam		
14	Điền Thị Bích	Hạnh	24/03/2007	STiêng	Nữ		
15	Vũ Duy	Hậu	14/06/2007	Kinh	Nam		
16	Hoàng Minh	Hiếu	28/09/2006	Mường	Nam		
17	Lâm Thanh	Hiếu	05/11/2007	Kinh	Nam		
18	Lâm Thanh	Hoà	27/09/2007	Khome	Nam		
19	Nguyễn Tấn Huy	Hoàng	14/03/2003	Kinh	Nam		
20	Lê Hữu	Hùng	02/05/2007	Kinh	Nam		
21	Phạm Quốc	Huy	26/09/2007	Kinh	Nam		
22	Bùi Hữu	Huy	27/07/2007	Kinh	Nam		

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Dân tộc	Giới Tính	Điểm trung bình 12	Ghi chú
23	Đinh Công	Huy	24/08/2007	Kinh	Nam		
24	Lường Thị	Huyền	02/08/2007	Kinh	Nữ		
25	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	14/03/2007	Kinh	Nữ		
26	Nguyễn Thanh	Khang	26/10/2006	Kinh	Nam		
27	Trần Lê	Kiên	26/12/2007	Kinh	Nam		
28	Đỗ Trung	Kiên	16/08/2001	Kinh	Nam		
29	Mai Văn	Lâm	30/04/1999	Kinh	Nam		
30	Đặng Nhật	Lâm	25/06/2007	Kinh	Nam		
31	Lê Thanh	Lâm	03/11/2007	Kinh	Nam		
32	Hồ Văn	Lộc	11/09/2007	Kinh	Nam		
33	Hồ Xuân	Lục	11/04/2007	Kinh	Nam		
34	Trần Khánh	Ly	30/07/2007	Kinh	Nữ		
35	Nguyễn Khánh	Ly	06/07/2007	Kinh	Nam		
36	Nguyễn Đức	Minh	04/12/2006	Kinh	Nam		
37	Lê Bá Tuấn	Minh	18/09/2007	Kinh	Nam		
38	Nguyễn Thanh	Minh	09/09/2007	Kinh	Nam		
39	Hà Bích	Ngọc	20/07/2007	Mường	Nữ		
40	Nguyễn Ngọc	Nhạ	19/05/2001	Kinh	Nam		
41	Thị Yến	Nhi	05/06/2007	Stiêng	Nữ		
42	Nguyễn Thị Yến	Nhi	29/01/2006	Kinh	Nữ		
43	Thị Bé	Oanh	21/08/2007	Stiêng	Nữ		
44	Phùng Hoà	Phát	01/01/2007	Kinh	Nam		
45	Nguyễn Huỳnh Thanh	Phong	28/12/2007	Kinh	Nam		
46	Nguyễn Yên	Phúc	25/06/2007	Kinh	Nam		
47	Lê Huỳnh Như	Phụng	21/12/2007	Kinh	Nữ		
48	Trần Thị Trúc	Phương	09/12/2007	Kinh	Nữ		
49	Thạch Phi	Ruol	27/11/2006	Khmer	Nam		
50	Vũ Tấn	Tài	22/10/2001	Kinh	Nam		
51	Nguyễn Văn	Tài	23/02/2007	Kinh	Nam		
52	Nguyễn Đức	Tâm	14/08/2007	Kinh	Nam		
53	Tạ Minh	Thắng	19/11/2007	Kinh	Nam		
54	Nguyễn Ngọc	Thanh	15/04/2006	Kinh	Nam		
55	Tô Văn Trường	Thanh	22/11/2006	Kinh	Nam		
56	Trương Hoàng	Thành	30/04/2006	Kinh	Nam		
57	Lê Quyết	Thành	16/08/2007	Kinh	Nam		
58	Trần Đắc Minh	Thiên	17/11/2007	Kinh	Nam		
59	Nông Nhật	Thiên	19/07/2007	Tày	Nam		
60	Nguyễn Thị Yến	Thu	04/09/2007	Kinh	Nữ		
61	Nguyễn Văn	Thương	09/04/2007	Kinh	Nam		
62	Nguyễn Ngọc Bảo	Thy	08/10/2007	Kinh	Nữ		
63	Huỳnh Văn	Tiến	16/01/2007	Kinh	Nam		
64	Đoàn Thị Huyền	Trang	20/08/2007	Kinh	Nữ		

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Dân tộc	Giới Tính	Điểm trung bình 12	Ghi chú
65	Nguyễn Minh	Triều	06/06/2007	Kinh	Nam		
66	Văn Đức	Trọng	17/01/2006	Kinh	Nam		
67	Lê Hồ Thị Thanh	Trúc	23/02/2007	Kinh	Nam		
68	Hoàng Anh	Tuấn	10/06/2007	Kinh	Nam		
69	Trần Thanh	Tuấn	04/08/2007	Kinh	Nam		
70	Lương Nguyễn Thanh	Tùng	16/01/2006	Kinh	Nam		
71	Điền Thị	Uynh	03/08/2005	Stiêng	Nữ		
72	Nguyễn Quốc	Việt	29/07/2007	Kinh	Nam		
73	Hồ Vũ Quốc	Việt	05/07/2007	Kinh	Nam		
74	Phạm Lê Nguyễn	Vũ	23/05/2007	Kinh	Nam		
75	Thị Bé	Xuân	01/11/2007	STiêng	Nữ		
76	Lê Thị Ngọc	Yến	16/12/2007	Kinh	Nữ		
77	Hoàng Thị Hải	Yến	08/07/2007	Kinh	Nữ		
Tổng cộng			77				

4. Ngành Kế toán doanh nghiệp

1	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	24/07/2007	Kinh	Nữ		
2	Nguyễn Thị Mai	Anh	20/05/2007	Kinh	Nữ		
3	Lê Văn	Anh	20/05/2007	Kinh	Nam		
4	Trần Văn Gia	Bảo	23/06/2007	Kinh	Nam		
5	Điền Thị	Châu	24/08/2007	STiêng	Nữ		
6	Lâm Thị	Điệp	28/05/2007	Tà Nun	Nữ		
7	Hồ Hữu	Dương	15/11/2007	Kinh	Nam		
8	Trần Thị Mỹ	Hân	28/10/2004	Kinh	Nữ		
9	Lê Thị Thu	Hằng	08/08/2007	Kinh	Nữ		
10	Phan Thị Thuý	Hằng	02/04/2007	Kinh	Nữ		
11	Nguyễn Như	Hậu	14/06/1998	Kinh	Nữ		
12	Nguyễn Thị	Hiền	26/09/2007	Kinh	Nữ		
13	Nguyễn Thị Thu	Hiền	25/12/2005	Kinh	Nữ		
14	Phạm Mỹ	Hiền	27/12/2005	Kinh	Nữ		
15	Dương Thị Thanh	Hoa	18/09/2007	Kinh	Nữ		
16	Đinh Thị	Hoa	07/06/2007	Kinh	Nữ		
17	Mai Lan	Hương	24/11/2007	Kinh	Nữ		
18	Hồ Mai	Khanh	18/11/2007	Kinh	Nữ		
19	Nguyễn Thị Khánh	Linh	11/12/2007	Kinh	Nữ		
20	Trương Thị	Linh	09/12/2007	Kinh	Nữ		
21	Nguyễn Thúy	Linh	10/11/2007	Kinh	Nữ		
22	Thái Quốc	Lợi	19/12/2005	Kinh	Nam		
23	Lương Ngọc	Mai	16/12/2007	Kinh	Nữ		
24	Lê Thị Nguyệt	Nga	29/06/2007	Kinh	Nữ		
25	Trần Thanh Tuyết	Ngọc	11/01/2007	Kinh	Nữ		
26	Bùi Ni Ni Khánh	Ngọc	03/02/2007	Kinh	Nữ		
27	Hoàng Thị Yến	Nhi	08/08/2007	Kinh	Nữ		

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Dân tộc	Giới Tính	Điểm trung bình 12	Ghi chú
28	Đoàn Thị Huỳnh	Như	01/10/2007	Kinh	Nữ		
29	Trần Nguyễn Quỳnh	OAnh	11/07/2007	Kinh	Nữ		
30	Lê Trí	Phúc	11/09/2007	Kinh	Nam		
31	Nguyễn Huỳnh Uyên	Phương	13/12/2005	Kinh	Nữ		
32	Đoàn Thị Mai	Quỳnh	04/12/2007	Kinh	Nữ		
33	Nguyễn Thanh	Thảo	05/08/2007	Kinh	Nữ		
34	Lâm Thị Mộng	Thơ	09/04/2007	Khmer	Nữ		
35	Lê Thị Minh	Thư	01/01/2007	Kinh	Nữ		
36	Nguyễn Minh	Tiến	10/07/2007	Kinh	Nam		
37	Dương Thị Kiều	Trang	12/08/2007	Kinh	Nữ		
38	Nguyễn Gia Cát	Trinh	15/11/2007	Kinh	Nữ		
39	Trương Thị Cẩm	Trúc	05/10/2006	Kinh	Nữ		
40	Thái Thị Thanh	Trúc	04/06/2007	Kinh	Nữ		
41	Nghiêm Thị	Tú	12/12/2007	Kinh	Nữ		
42	Nguyễn Thị	Tươi	08/12/2004	Kinh	Nữ		
43	Hồ Thị Mỹ	Uyên	01/11/2007	Kinh	Nữ		
44	Ngô Hoàng Khả	Vy	17/02/2007	Kinh	Nữ		
45	Trần Thị Thảo	Vy	24/09/2007	Kinh	Nữ		
46	Võ Thị Thu	Yến	12/02/2007	Kinh	Nữ		
Tổng cộng						46	

5. Ngành Công nghệ ô tô

1	Hoàng Quốc	Anh	04/02/2007	Tày	Nam		
2	Mai Quang	Anh	17/03/2006	Kinh	Nam		
3	Lương Thái	Bảo	07/08/2007	Kinh	Nam		
4	Phạm Đức	Bảo	16/02/2006	Kinh	Nam		
5	Lâm Xuân	Bình	23/11/2007	Khmer	Nam		
6	Hứa Minh	Châu	27/01/2005	Nùng	Nam		
7	Nông Công	Chiến	30/07/2006	Nùng	Nam		
8	Trần Chí	Cường	24/09/2007	Kinh	Nam		
9	Nguyễn Minh	Đồng	19/11/2007	Kinh	Nam		
10	Nguyễn Trung	Đức	01/12/2007	Kinh	Nam		
11	Đào Anh	Đức	06/04/2007	Kinh	Nam		
12	Lữ Minh	Dương	25/05/2007	Kinh	Nam		
13	Phan Đức	Duy	28/09/2007	Kinh	Nam		
14	Lâm Hoàng Bảo	Duy	25/11/2007	Kinh	Nam		
15	Trịnh Công	Hậu	22/06/2007	Kinh	Nam		
16	Nguyễn Văn	Hậu	16/09/2005	Kinh	Nam		
17	Lê Sỹ	Hiếu	03/05/2007	Kinh	Nam		
18	Nguyễn Văn	Hoàn	18/02/2007	Kinh	Nam		
19	Nguyễn Nhật	Hoàng	31/07/2005	Kinh	Nam		
20	Lê Nguyễn Anh	Hùng	16/07/2000	Kinh	Nam		
21	Nguyễn Quang	Hùng	07/05/2007	Kinh	Nam		

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Dân tộc	Giới Tính	Điểm trung bình 12	Ghi chú
22	Hoàng Bá	Hùng	02/03/2006	Kinh	Nam		
23	Lê Văn	Hưng	10/01/2007	Kinh	Nam		
24	Hà Gia	Hưng	18/12/2007	Kinh	Nam		
25	Hồ Tiên	Huy	27/10/2005	Kinh	Nam		
26	Huỳnh Văn	Huy	13/12/2007	Kinh	Nam		
27	Cao Gia	Huy	03/05/2007	Kinh	Nam		
28	Ngân Đại	Khang	04/11/2007	Tày	Nam		
29	Nguyễn Thành	Khoa	03/10/2007	Kinh	Nam		
30	Dương Quốc	Kiệt	26/12/2007	Kinh	Nam		
31	Nguyễn Tấn	Lộc	23/07/2006	Kinh	Nam		
32	Nguyễn Hữu	Lộc	01/09/2007	Kinh	Nam		
33	Lê Văn	Lợi	01/06/2007	Kinh	Nam		
34	Vy Thành	Long	07/11/2006	Thái	Nam		
35	Nguyễn Lê	Minh	11/06/2006	Kinh	Nam		
36	Ngô Thành	Nam	01/07/2007	Kinh	Nam		
37	Phan Thái	Nguyên	17/10/2007	Kinh	Nam		
38	Trần Văn	Pháp	21/01/2005	Kinh	Nam		
39	Phạm Duy	Phong	16/09/2007	Kinh	Nam		
40	Nguyễn Trọng	Phúc	07/11/2007	Kinh	Nam		
41	Trần Văn	Quân	21/11/2007	Kinh	Nam		
42	Nguyễn Tấn	Sang	12/07/2003	Kinh	Nam		
43	Trần Trọng	Son	20/01/2007	Kinh	Nam		
44	Nguyễn Thái	Son	20/01/2006	Kinh	Nam		
45	Thạch Tiên Tới	Tay	04/12/2006	Khmer	Nam		
46	Nguyễn Đức	Thắng	01/12/2007	Kinh	Nam		
47	Nguyễn Tuấn	Thành	29/09/2006	Kinh	Nam		
48	Nguyễn Thái	Thọ	24/06/2007	Kinh	Nam		
49	Nguyễn Thanh	Thuận	16/03/2007	Kinh	Nam		
50	Điền Minh	Thuận	20/08/2007	STiếng	Nam		
51	Linh Quang	Tiến	25/12/2006	Hoa	Nam		
52	Nguyễn Sỹ	Tiến	10/09/2007	Kinh	Nam		
53	Lê Quang	Toàn	12/09/2007	Kinh	Nam		
54	Nguyễn Đức	Tôn	06/10/2007	Kinh	Nam		
55	Nguyễn Đình Túc	Trí	04/03/2007	Kinh	Nam		
56	Nguyễn Minh	Trí	07/12/2007	Kinh	Nam		
57	Tôn Thất	Trọng	22/08/2007	Kinh	Nam		
58	Mai Phú	Trọng	01/11/2007	Kinh	Nam		
59	Trần Hữu	Trọng	17/06/2006	Kinh	Nam		
60	Hồ Quốc	Trung	22/03/2004	Kinh	Nam		
61	Võ Chí	Trung	15/08/2006	Kinh	Nam		
62	Văn Phú	Trường	27/07/2006	Kinh	Nam		
63	Phạm Quang	Trường	20/04/2007	Kinh	Nam		

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Dân tộc	Giới Tính	Điểm trung bình 12	Ghi chú
64	Phạm Linh	Tú	27/01/2007	Kinh	Nam		
65	Nguyễn Trần Anh	Tuấn	09/01/2007	Kinh	Nam		
66	Lê Vũ	Văn	17/03/2007	Thái	Nam		
67	Đỗ Văn	Vĩnh	04/01/1980	Kinh	Nam		
68	Dương Đình	Vũ	15/12/2007	Kinh	Nam		
69	Điền Kim	Vũ	16/09/2007	Stiêng	Nam		
70	Phạm Ngọc	Vũ	17/02/2007	Kinh	Nam		

Tổng cộng

70

6. Ngành Cắt gọt kim loại

1	Bùi Xuân	Ánh	03/01/2007	Kinh	Nam		
2	Điền Thiên	Đăng	29/04/2007	STiêng	Nam		
3	Nguyễn Tấn	Đạt	02/01/2007	Kinh	Nam		
4	K	Đạt	01/02/2006	S'Tiêng	Nam		
5	Lâm Trần Tấn	Đạt	09/09/2007	Khmer	Nam		
6	Đỗ Tấn	Đức	28/4/2007	Kinh	Nam		
7	Hoàng Khánh	Dương	14/02/2007	Tày	Nam		
8	Mạc Hoàng	Dương	16/08/2007	Kinh	Nam		
9	Nguyễn Đông	Hồ	20/06/2000	Kinh	Nam		
10	Nguyễn Thái	Hoàng	27/11/2005	Kinh	Nam		
11	Trần Đình	Huân	06/07/2007	Kinh	Nam		
12	Nguyễn Hồ Hoàng	Huy	29/06/2007	Kinh	Nam		
13	Trương Công	Khánh	18/01/2006	Kinh	Nam		
14	Hồ Phi	Long	04/06/2007	Kinh	Nam		
15	Nguyễn Đức	Mạnh	26/10/2007	Kinh	Nam		
16	Lê Phương	Nam	22/04/2006	Kinh	Nam		
17	Nguyễn Lê Minh	Nhật	29/09/2007	Kinh	Nam		
18	Nguyễn Hoàng Bảo	Phi	13/02/2006	Kinh	Nam		
19	Đoàn Hoàng	Phúc	29/07/2007	Kinh	Nam		
20	Hoàng Hải	Sâm	01/09/2006	Tày	Nam		
21	Phạm Văn Văn	Sỹ	06/08/2005	Kinh	Nam		
22	Đỗ Tấn	Tài	28/04/2007	Kinh	Nam		
23	Nguyễn Chiến	Thắng	22/10/2007	Kinh	Nam		
24	Nông Đức	Thành	22/12/2007	Tày	Nam		
25	Điền	Thiên	26/08/2006	Monông	Nam		
26	Trương Minh	Thuận	16/10/2007	Kinh	Nam		
27	Nguyễn Đức Nam	Thuận	13/08/2007	Kinh	Nam		
28	Điền Minh	Trí	09/01/2006	STiêng	Nam		
29	Hồ Tuyên	Tú	24/08/2005	Kinh	Nam		
30	Dương Thái	Việt	23/09/2007	Kinh	Nam		

Tổng cộng

30

7. Ngành Y sỹ đa khoa

1	Trần Thị Vân	Anh	30/04/1975	Kinh	Nữ	5.8	
---	--------------	-----	------------	------	----	-----	--

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Dân tộc	Giới Tính	Điểm trung bình 12	Ghi chú
2	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	31/11/1986	Kinh	Nữ	4.9 (KV1 + 0.75)	
3	Lục Văn Tiến	Đạt	24/07/2002	Nùng	Nam		
4	Nguyễn Duy	Đức	10/06/1983	Kinh	Nam	7.8	
5	Nguyễn Thanh	Duy	17/02/1984	Kinh	Nam	6.5	
6	Nguyễn Thị	Hằng	10/06/1983	kinh	Nữ	6.0	
7	Vũ Mạnh	Huyền	10/09/1996	Kinh	Nam	7.2	
8	Nguyễn Thị Diễm	My	27/12/1998	Kinh	Nữ	8.4	
9	Chu Thị	Nga	18/08/1998	kinh	Nữ	6.7	
10	Đỗ Quang	Nghĩa	17/09/1991	Kinh	Nam	7.2	
11	Nguyễn Huy	Ngọ	20/04/2002	Kinh	Nam	6.4	
12	Lý Thị Thanh	Nhàn	27/11/1995	Kinh	Nữ	6.3	
13	Bùi Ý	Nhi	21/11/2003	Kinh	Nữ	7.4	
14	Đặng Thị Tố	Quyên	07/07/2004	kinh	Nữ	7.5	
15	Phạm Thảo	Quỳnh	17/12/1996	kinh	Nữ	6.3	
16	Lê Thành	Tâm	08/8/1997	Kinh	Nam	7.3	
17	Chu Thị	Thùy	20/10/1983	Kinh	Nữ	5.8	
18	Lê Minh	Tiến	28/07/1995	Kinh	Nam	8.2	
19	Lê Minh	Tính	21/01/1996	Kinh	Nam	6.4	
20	Phạm Thị Mai	Trang	02/12/2001	Kinh	Nữ	7.5	
21	Trương Đình	Tùng	20/06/1991	Kinh	Nam	6.2	
22	Phạm Thảo	Vân	14/04/2001	Kinh	Nữ	8.7	

Tổng cộng: 22

II. Hệ cao đẳng

1. Ngành Điện công nghiệp

1	Nguyễn Văn	Chinh	18/09/1995	Kinh	Nam			
2	Tạ Mạnh	Đạt	25/10/2004	Kinh	Nam			
3	Chu Văn	Huy	01/04/2004	Kinh	Nam			
4	Phùng Thái	Khanh	24/06/2004	Mường	Nam			
5	Bùi Vương Mạnh	Khiêm	18/09/2004	Mường	Nam			
6	Ngô Thành	Long	04/3/1999	Kinh	Nam			
7	Đình Thế	Phong	12/05/2004	Kinh	Nam			
8	Nguyễn Thế	Phong	27/09/2004	Kinh	Nam			
9	Hồ Minh	Tâm	22/01/2004	Kinh	Nam			
10	Nghiêm Quốc	Thái	04/07/2004	Kinh	Nam			
11	Nguyễn Đình	Thiện	31/01/2004	Kinh	Nam			
12	Lê Đức	Thuận	25/10/1999	Kinh	Nam			
13	Nguyễn Văn	Tiến	03/10/2003	Kinh	Nam			
14	Trần Văn	Tình	16/05/2003	Kinh	Nam			
15	Nguyễn Quang	Trường	08/05/2001	Kinh	Nam			
16	Trần Ngọc	Tú	18/08/2003	Kinh	Nam			
17	Nguyễn Quốc	Tuấn	28/12/2001	Kinh	Nam			
Tổng cộng:								17

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới Tính	Điểm trung bình 12	Ghi chú
2. Ngành Công nghệ thông tin						
1	Trương Xuân	Cảnh	21/01/2004	Kinh	Nam	
2	Hoàng Mạnh	Cương	20/08/2004	Kinh	Nam	
3	Trịnh Thành	Đạt	17/12/2003	Kinh	Nam	
4	Huỳnh Văn	Hiền	08/01/2004	Kinh	Nam	
5	Nguyễn Đình	Hòa	29/08/2004	Kinh	Nam	
6	Bùi Nhật	Luân	30/11/2004	Kinh	Nam	
7	Nông Bé	Nghiệp	14/01/2004	Tày	Nam	
8	Nguyễn Nhân	Tài	23/01/2002	Kinh	Nam	
9	Nguyễn Văn	Thảo	19/06/2004	Kinh	Nam	
Tổng cộng					9	
3. Ngành Kế toán doanh nghiệp						
1	Nguyễn Trâm	Anh	20/08/2000	Kinh	Nữ	
2	Đỗ Hoàng Gia	Bảo	14/12/2004	Kinh	Nam	
3	Phạm Trần Thị Đức	Hạnh	22/10/2004	Kinh	Nữ	
4	Võ Thị Ngọc	Huyền	21/11/2004	Kinh	Nữ	
5	Trần Văn	Khánh	15/05/2004	Kinh	Nam	
6	Hoàng Thị Mỹ	Lệ	25/07/2004	Tày	Nữ	
7	Đỗ Thị Thuý	Linh	07/06/1999	Kinh	Nữ	
8	Phạm Thị	Mai	10/09/1998	Kinh	Nữ	
9	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	14/05/2004	Kinh	Nữ	
10	Lê Ngọc	Phú	01/06/2001	Kinh	Nam	
11	Trần Thị Ngọc	Thắm	12/01/2003	Kinh	Nữ	
12	Đậu Thị Kim	Thoa	26/08/1998	Kinh	Nữ	
13	Trịnh Thị Thanh	Thuy	17/03/1998	Kinh	Nữ	
14	Hoàng Thị Thúy	Tinh	20/10/1995	Kinh	Nữ	
15	Phạm Thu	Trà	31/03/2002	Kinh	Nữ	
16	Vũ Đức	Trung	26/12/2003	Kinh	Nam	
17	Trần Hải	Yến	03/05/2004	Kinh	Nữ	
Tổng cộng					17	
6. Ngành Dược chính quy						
1	Vũ Ngọc	An	02/10/1984	Kinh	Nữ	8
2	Nguyễn Ngọc	Anh	26/07/2003	Kinh	Nữ	7.1
3	Tổng Thị Ngọc	Ánh	07/11/2004	Kinh	Nữ	8
4	Trương Thị Thùy	Dương	05/12/2004	Kinh	Nữ	8
5	Dương Ngọc Thùy	Dương	15/09/2004	Kinh	Nữ	7.3
6	Trần Ngọc	Hiền	04/02/2000	Hoa	Nữ	8.6
7	Vi Thị Thu	Hiền	20/09/2004	Nùng	Nữ	8
8	Hứa Thị	Hoa	03/05/1990	Kinh	Nữ	5.5
9	Vũ Thị Thu	Huyền	28/06/2003	Kinh	Nữ	7.5
10	Nguyễn Ngọc	Lam	06/09/2003	Kinh	Nam	7.1
11	Thị Sa	Lem	23/02/2004	Mnông	Nữ	8.2

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Dân tộc	Giới Tính	Điểm trung bình 12	Ghi chú
12	Trần Thị Diệu	Linh	13/04/2004	Kinh	Nữ	7.5	
13	Thị	Lợi	26/03/1999	Stiêng	Nữ	7.2	
14	Nguyễn Thị Lệ	Mai	11/03/2004	Kinh	Nữ	8.1	
15	Hoàng Ngọc	Mạnh	20/10/1984	Kinh	Nam	6.6	
16	Bùi Hứa Thanh	Minh	22/12/2003	Kinh	Nam	7.4	
17	Tô Quang	Ngọc	08/01/2003	Hoa	Nam	7.5	
18	Nguyễn Thị	Ngọt	08/06/1989	Kinh	Nữ	Tổ hợp T,H,S: 6.0	
19	Lê Phước Hạnh	Nguyên	27/10/2004	Kinh	Nữ	8	
20	Lê Thị Thanh	Nhàn	15/09/2004	Kinh	Nữ	7.4	
21	Đặng Thị Cẩm	Nhi	09/05/2003	Kinh	Nữ	6.6	
22	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	01/05/2004	Kinh	Nữ	7.1	
23	Phan Thanh	Phú	10/10/1998	Kinh	Nam	6.4	
24	Nguyễn Thị Kiều	Phương	14/07/2004	Kinh	Nữ	6.4	
25	Trương Thị Bích	Phượng	24/05/1995	Kinh	Nữ	7.7	
26	Đinh Thị Kim	Phượng	07/07/2004	Kinh	Nữ	7.8	
27	Đặng Thành	Quý	01/01/2003	Kinh	Nam	6.6	
28	Lê Châu Kim	Quý	28/04/2003	Kinh	Nữ	7.8	
29	Châu Thị Yến	Quỳnh	12/07/2004	Kinh	Nữ	8.6	
30	Đặng Nhật	Thanh	10/05/2002	Kinh	Nam	7.8	
31	Lương Thị Phương	Thảo	20/11/1998	Kinh	Nữ	7.1	
32	Nguyễn Thị Thu	Thủy	04/04/2002	Kinh	Nữ	7.2	
33	Nguyễn Kim Quế	Trần	22/10/2003	Kinh	Nữ	6.6	
34	Phạm Thị Mai	Trang	12/02/2001	Kinh	Nữ	5.9	
35	Phạm Thị Thu	Trang	21/01/2002	Kinh	Nữ	7.3	
36	Nguyễn Quốc	Tuấn	28/12/2001	Kinh	Nam	6.9	
37	Nguyễn Thanh	Tùng	15/06/2003	Kinh	Nam	8.3	
38	Lê Thị Minh	Tuyết	26/08/2004	Kinh	Nữ	7.3	
39	Đinh Thị Bạch	Tuyết	15/10/2004	Nùng	Nữ	7.7	
40	Nguyễn Ngọc	Uyên	12/06/2004	Kinh	Nữ	7.5	
Tổng cộng			40				
4. Ngành Dược văn Bằng II							
1	Vũ Thị	Dịu	01/01/1988	Kinh	Nữ	6.6	
2	Lê Thị Thu	Hà	29/07/1999	Kinh	Nữ	8.4	
3	Nguyễn Thị Thu	Hiền	04/12/1996	Kinh	Nữ	7.6	
4	Trần Thị Vân	Anh	30/04/1975	Kinh	Nữ	5.8	
5	Nguyễn Thị	Bé	17/06/1982	Kinh	Nữ	5.4	
6	Vũ Thị	Châu	16/10/1985	Kinh	Nữ	5.5	
7	Hoàng Thị Minh	Châu	11/09/1994	Kinh	Nữ	7.4	
8	Thị	Chơ	31/12/1992	Xtiêng	Nữ	4.8(Dân tộc+1.0đ)	
9	Hoàng Thị Thùy	Diệu	01/07/1990	Kinh	Nữ	6.9	
10	Võ Văn	Dũng	20/10/1976	Kinh	Nam	5.4	
11	Lê Thùy	Dương	27/03/1999	Kinh	Nữ	8.7	



STT	Họ và tên		Ngày sinh	Dân tộc	Giới Tính	Điểm trung bình 12	Ghi chú
12	Vũ Tiến	Duyệt	30/10/1992	Kinh	Nam	7.4	
13	Hà Thị	Hà	20/10/1983	Kinh	Nữ	6.1	
14	Phạm Thị Kiều	Hạnh	06/03/1985	Kinh	Nữ	5.8	
15	Hồ Thị	Hiền	19/06/1995	Kinh	Nữ	6.2	
16	Bùi Thị Minh	Hiếu	09/09/1994	Kinh	Nữ	8.8	
17	Nguyễn Thị	Hồng	08/05/1991	Kinh	Nữ	7.1	
18	Lăng Anh	Huy	19/02/1995	Kinh	Nam	7.6	
19	Phạm gia	khang	11/12/2000	Kinh	Nam	6.7	
20	Phùng Thị	Kiều	07/03/1993	Tày	Nữ	6.7	
21	Lê Duy	Lâm	20/08/1986	Kinh	Nam	6.7	
22	Diệp Thị	Lành	13/04/1991	Nùng	Nữ	5.5	
23	Trần Thị	Liên	27/06/1984	Kinh	Nữ	6	
24	Vũ Thị	Liên	18/08/1985	Kinh	Nữ	6.6	
25	Hồ Thị	Liên	02/02/1992	Kinh	Nữ	6.3	
26	Nguyễn Thị	Loan	04/01/1985	Kinh	Nữ	5.2	
27	Nguyễn Thị	Loan	04/01/1985	Kinh	Nữ	5.4	
28	Hoàng Đại Thiên	Long	03/05/1996	Kinh	Nam	8.8	
29	Hồ Trọng	Mạnh	04/09/1992	Kinh	Nam	6.2	
30	Nguyễn Hoàng	Minh	08/10/1999	Kinh	Nam	6.6	
31	Hoàng Thiên	Phú	03/06/1991	Kinh	Nam	7.3	
32	Bùi Thị Thu	Phương	11/09/1984	Kinh	Nữ	5.9	
33	Truong Thị Mỹ	Phượng	13/11/1990	Kinh	Nữ	5.8	
34	Lê Dương	Sang	17/02/1991	Kinh	Nam	6.2	
35	Vũ Thị Phương	Thanh	27/12/1985	Kinh	Nữ	6.4	
36	Hoàng Đình	Thành	29/09/1992	Kinh	Nam	5.3	
37	Nguyễn Thị Quỳnh	Thơ	13/09/1990	Kinh	Nữ	7.1	
38	Lương Văn	Tiến	06/6/1979	Kinh	Nam	6.1	
39	Nguyễn Văn	Tiền	18/12/1997	Kinh	Nam	6.1	
40	Dương Bình	Toàn	03/03/1971	Kinh	Nam	4.7(KV1+0,75)	
41	Nguyễn Thị Kiều	Trang	24/10/1983	Kinh	Nữ	7.3	
42	Phạm Thị Mai	Trang	07/09/1983	Kinh	Nữ	6.2	
43	Nguyễn Văn	Trung	23/09/1977	Kinh	Nam	6.8	
44	Ninh Văn	Tuân	03/11/1991	Kinh	Nam	4.9(KV1+0,75)	
45	Nguyễn Sơn	Tùng	25/09/1989	Kinh	Nam	6.7	
46	Nguyễn Thị	Vân	01/01/1982	Kinh	Nữ	5.2	
47	Lê Thị Anh	Vân	01/04/1980	Kinh	Nữ	6.8	
Tổng cộng			47				
5. Liên thông từ trung cấp lên Cao đẳng Dược							
1	Nguyễn Thị Thúy	An	26/10/1993	Kinh	Nữ	6.1	
2	Đỗ Kim	Anh	15/06/1989	Kinh	Nữ	4.9 (KV1+0.75đ)	
3	Nguyễn Thị	Anh	20/4/1991	Kinh	Nữ	6	
4	Nguyễn Thị	Dịu	07/11/1984	Kinh	Nữ	6.6	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Dân tộc	Giới Tính	Điểm trung bình 12	Ghi chú
5	Thị	Duyên	27/12/1991	Mnông	Nữ	5.8	
6	Nguyễn Thị	Hà	28/01/1983	Kinh	Nữ	5.4	
7	Lê Thị	Hải	20/10/1991	Kinh	Nữ	6	
8	Lâm Ngọc	Hạnh	08/06/1984	Kinh	Nữ	7	
9	Đỗ Thị	Hào	20/05/1983	Kinh	Nữ	6	
10	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/03/1991	Kinh	Nữ	6.5	
11	Lê Thị Thu	Hiền	08/11/1984	Kinh	Nữ	6.3	
12	Nguyễn Thị	Hồng	20/01/1991	Kinh	Nữ	6.3	
13	Hoàng Thị	Huệ	12/12/1994	Kinh	Nữ	6.4	
14	Trần Đăng	Khanh	08/03/1977	Kinh	Nam	6.8	
15	Lê Thị	Là	10/06/1995	Kinh	Nữ	5.9	
16	Bùi Thị Lam	Linh	08/04/1992	Kinh	Nữ	5.8	
17	Vũ Thị Thanh	Mai	15/06/1991	Kinh	Nữ	6.6	
18	Đinh Thị	Mai	02/02/1991	Kinh	Nữ	5.9	
19	Nguyễn Bình	Minh	27/10/1995	Kinh	Nam	6.2	
20	Chu Thị Thanh	Nga	23/07/1991	Kinh	Nữ	6	
21	Phạm Thị	Nga	09/07/1984	Kinh	Nữ	6.3	
22	Đinh Thị	Nhạn	27/06/1989	Kinh	Nữ	6.5	
23	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18/09/1987	Kinh	Nữ	6.4	
24	Nguyễn Thị	Nhung	17/07/1984	Kinh	Nữ	6.2	
25	Lê Trần Thanh	Tâm	20/04/1991	Kinh	Nữ	6.7	
26	Đàm Thị	Thái	09/02/1987	Kinh	Nữ	6	
27	Lê Thị Bích	Thanh	04/04/1984	Kinh	Nữ	5.9	
28	Cao Thị Phương	Thảo	15/03/1985	Kinh	Nữ	5.4	
29	Bùi Thị	Thảo	22/12/1982	Kinh	Nữ	5.8	
30	Bùi Thị	Thêm	04/01/1995	Kinh	Nữ	6.7	
31	Đoàn Thị Hồng	Thía	18/10/1989	Kinh	Nữ	5.1	
32	Nguyễn Thị Anh	Thư	28/08/1992	Kinh	Nữ	6.4	
33	Trần Thị	Thương	17/12/1991	Kinh	Nữ	6	
34	Hoàng Thị	Thúy	07/01/1983	Kinh	Nữ	6.2	
35	Nguyễn	Thy	13/12/1983	Kinh	Nữ	5.6	
36	Phạm Thị Mỹ	Tiên	17/09/1990	Kinh	Nữ	5	
37	Hoàng Thị Huyền	Trang	06/05/1997	Kinh	Nữ	7.6	
38	Nguyễn Ngọc Bảo	Trang	15/09/1991	Kinh	Nữ	6.2	
39	Huỳnh Thị Ngọc	Trang	28/10/1991	Kinh	Nữ	5.9	
40	Nguyễn Thị	Trung	26/11/1991	Kinh	Nữ	6.5	
41	Phạm Văn	Tuân	02/05/1980	Kinh	Nam	4.8(KV1+0,75)	
42	Nguyễn Thị	Vân	20/10/1984	Kinh	Nữ	5.7	
43	Nguyễn Thị Như	Ý	15/05/1986	Kinh	Nữ	5.3	
44	Lê Thị Hồng	Yến	24/04/1988	Kinh	Nữ	5.8	
45	Hoàng Thị Ngọc	Yến	15/08/1984	Kinh	Nữ	6.7	
Tổng cộng			45				



STT	Họ và tên		Ngày sinh	Dân tộc	Giới Tính	Điểm trung bình 12	Ghi chú
7. Cao đẳng Điều Dưỡng chính quy							
1	Hồ Thiên	Phú	06/04/2004	Kinh	Nam	7.4	
3	Hoàng Thị	Hương	20/07/2004	Tày	Nữ	8.4	
4	Nguyễn Thị Diễm	Hương	24/08/2004	Kinh	Nữ	7.2	
2	Vũ Mạnh	Huyền	10/09/1996	Kinh	Nam	7.5	
5	Nguyễn Thị Hồng	Lan	09/04/2004	Kinh	Nữ	7.7	
6	Điều Thị Kiều	Thu	11/10/2004	Stiêng	Nữ	7.5	
7	Phan Trần Ánh	Vi	11/12/1999	Kinh	Nữ	7.2	
Tổng cộng			7				
8. Giáo dục mầm non							
1	Nguyễn Thị Ái	Ái	20/07/2003	Kinh	Nữ		
2	Trần Thị Công	Anh	26/08/2004	Kinh	Nữ		
3	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	28/02/2004	Kinh	Nữ		
4	Nguyễn Thị Mỹ	Giang	29/11/2004	Kinh	Nữ		
5	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/06/2004	Kinh	Nữ		
6	Trần Thị Diệu	Hằng	28/11/2004	Kinh	Nữ		
7	Đinh Thị	Hạnh	10/03/2004	Kinh	Nữ		
8	Nguyễn Thị Thu	Hiền	19/01/2004	Kinh	Nữ		
9	Trần Thị Thu	Hồng	20/12/2004	Kinh	Nữ		
10	Điều Thị	Huyền	17/12/2004	Stiêng	Nữ		
11	Điều Thị	Khui	05/05/2004	Stiêng	Nữ		
12	Đào Thị	Lan	08/03/2001	Kinh	Nữ		
13	Đỗ Thị Thùy	Linh	07/06/1999	Kinh	Nữ		
14	Phạm Hải	My	12/03/2004	Kinh	Nữ		
15	Nguyễn Kỳ	Mỹ	07/11/2004	Kinh	Nữ		
16	Nguyễn Thị Kim	Ngân	29/12/2004	Kinh	Nữ		
17	Phạm Thúy	Ngân	05/09/2004	Kinh	Nữ		
18	Điều Thị	Ngoan	27/07/2004	S'tiêng	Nữ		
19	Hứa Thị Bích	Nguyệt	14/08/2004	Nùng	Nữ		
20	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	07/09/2000	Kinh	Nữ		
21	Lê Quỳnh	Như	23/08/2004	Kinh	Nữ		
22	Lương Thị Ngọc	Phận	16/07/2003	Thái	Nữ		
23	Tiền Thị Thanh	Phương	24/02/2003	Kinh	Nữ		
24	Nguyễn Thị Mai	Phương	12/02/2004	Kinh	Nữ		
25	Trần Thị Mai	Sương	25/11/2003	Kinh	Nữ		
26	Trần Ngọc Thu	Thảo	04/04/2004	Kinh	Nữ		
27	Lý Thị Thu	Thảo	17/10/2004	Khơ Me	Nữ		
28	Thị	Thu	15/02/2004	Stiêng	Nữ		
29	Trần Thị Kim	Thư	09/06/2004	Kinh	Nữ		
30	Phan Nhật Băng	Thư	19/02/2004	Kinh	Nữ		
31	Lê Thị	Thùy	03/10/2004	Kinh	Nữ		
32	Kiều Diễm	Thùy	06/08/2004	Kinh	Nữ		

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Dân tộc	Giới Tính	Điểm trung bình 12	Ghi chú
33	Nguyễn Thị Thùy	Trang	09/06/2004	Kinh	Nữ		
34	Điền Thị	Trinh	24/02/2004	Mnông	Nữ		
35	Phan Thị Cẩm	Tú	19/04/2003	Kinh	Nữ		
36	Võ Lê Cát	Tường	24/01/2004	Kinh	Nữ		
37	Thị	Út	23/05/2004	Stiêng	Nữ		
38	Điền Thị	Vân	29/08/2004	Stiêng	Nữ		
39	Đặng Thị Thúy	Vy	04/02/2004	Kinh	Nữ		
40	Nguyễn Thị	Yến	20/03/2004	Kinh	Nữ		
Tổng			40				

Danh sách có: 555 thí sinh trúng tuyển.

Trong đó:

Hệ trung cấp: 333

Điện công nghiệp	60
Điện tử công nghiệp	28
Công nghệ thông tin	77
Kế toán doanh nghiệp	46
Công nghệ ô tô	70
Cắt gọt kim loại	30
Y sĩ đa khoa	22

Hệ cao đẳng: 222

Điện công nghiệp	17
Công nghệ thông tin	9
Kế toán doanh nghiệp	17
Dược chính quy	40
Liên thông văn bằng II	47
Liên thông từ trung cấp lên Cao đẳng Dược	45
Điều Dưỡng chính quy	7
Giáo dục mầm non	40

